TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ G
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số**: 110**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 11- 2023
"V/v tranh chấp **x**in ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Thị Thùy Linh**

- Các Hội thẩm nhân dân**: 1/ Bà Lương Thị Kim Nhung**

2/ Ông Võ Hùng Anh

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Ngọc Tuấn –** Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố G.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố G tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 03 tháng 11 năm 2023. Tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 396/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 09 năm 2023 về việc "*Tranh chấp* x*in ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 09 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 40/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 20/10/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh ngày 10/10/1983 (Có mặt)

HKTT: Số 31/31/3 đường Đ, phường B1, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Vương Thanh B, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

HKTT: Số 126/6 đường K, phường Q1, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số 31/31/3 đường Đ, phường B1, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 19/03/2023; trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày: Chị Q và anh B tự quen biết, tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2007. Anh, chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã được Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Quang thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 222 ngày 27/09/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại gia đình bên chồng tại Hẻm 90 số nhà 126/6 đường Nguyễn Bỉnh Khiêm, phường Vĩnh Quang, thành phố G, tỉnh Kiên Giang. Đến năm 2017 vợ chồng về sống tại 31/31/3 đường Trương Định, phường An

B, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang đến tháng 02/2023 thì vợ chồng sống ly thân đến nay.

Lý do yêu cầu xin ly hôn: Thời gian đầu sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc, đến giữa năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cự cải nhau, anh B hay nóng tính, cáo gắt còn ghen tuông vô cớ dẫn đến cự cải nhau và dùng lời lẽ xúc phạm còn hâm doạ chém tôi, lần gần nhất anh B ghen tuông là vào tháng 03/2023. Ngoài ra, trong việc làm ăn, kinh tế gia đình tôi có khuyên nhiều lần nhưng anh B không để tâm dẫn đến mất việc làm. Nay xét thấy mẫu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên chị Q khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Q xác định vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Vương Minh T, sinh ngày 10/05/2008 và Vương Thị Hồng L, sinh ngày 08/02/2012 hiện đang sinh sống với chị Q. Chị Q yêu cầu được nuôi 02 người con tên Triết và L. Chị Q không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án anh Vương Thanh B trình bày: Anh B hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của chị Q về quan hệ hôn nhân.

Về mâu thuẫn trong hôn nhân: Anh B xác định có ghen tuông nhưng chuyện đã vài tháng trước, hiện nay không còn. Nay tôi không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Q.

Về con chung: Anh B xác định vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Vương Minh T, sinh ngày 10/05/2008 và Vương Thị Hồng L, sinh ngày 08/02/2012. Anh B yêu cầu được nuôi 02 người con chung không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, bị đơn cư trú tại thành phố G, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Toà án nhân dân thành phố Rạch Giá thụ lý giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Vương Thanh B có ý kiến trình bày về đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Q tại Tòa án. Tuy nhiên, anh B đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ theo quy định pháp luật nhưng vắng mặt lần thứ 2 và tại phiên tòa

nguyên đơn chị Q yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn anh B theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt anh B.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vương Thanh B và chị Nguyễn Thị Q tự nguyện đến với nhau, có tổ chức lễ cưới trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Quang, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 222 ngày 27/09/2007. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh B và chị Q là hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về yêu cầu xin ly hôn: Trong quá trình chung sống anh B và chị Q không tìm được tiếng nói chung. Do bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến cự cải, anh B ghen tuông vô cớ và dùng lời lẽ xúc phạm còn hâm doạ chém chị Q. Mặc dù, anh B cho rằng còn tình cảm với chị Q nên không đồng ý ly hôn và anh B cũng xác định từ khi vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2023 đến nay anh chị không hàn gắn được và hiện nay anh B cũng đã không còn chung sống cùng chị Q. Tại phiên tòa, chị Q xác định không còn tình cảm yêu thương anh B nên không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ những mâu thuẫn trên cho thấy, cuộc sống vợ chồng giữa anh B, chị Q không còn yêu thương, chung thủy, tin tưởng lẫn nhau mà ngày càng trở nên căn thẳng. Theo quy định của pháp luật về quan hệ hôn nhân gia đình thì hôn nhân phải dựa trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ, vợ chồng có nghĩa vụ quan tâm, thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa anh B, chị Q mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Q đối với anh Vương Thanh B là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Xét về con chung Hội đồng xét xử xét thấy: Anh B và chị Q xác định có 02 người con chung tên Vương Minh T, sinh ngày 10/05/2008 và Vương Thị Hồng L, sinh ngày 08/02/2012; anh B và chị Q đều có nguyện vọng được nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, chị Q và anh B đều có công việc và thu nhập đủ điều kiện về mặt kinh tế để lo cho các con của anh, chị phát triển tốt. Tuy nhiên, theo nguyện vọng của cháu T và cháu L mong muốn được sinh sống cùng với mẹ (chị Q) được thể hiện tại biên bản trình bày nguyện vọng ngày 10/10/2023, Xét thấy các cháu từ nhỏ đã sinh sống cùng chị Q, do chị Q là người trực tiếp nuôi dưỡng các cháu phát triển tốt về mọi mặt, còn anh B đi làm xa thường xuyên vắng nhà, khi về chỉ về 01 đến 02 ngày là đi làm tiếp do đó giao 02 cháu T và L cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nếu chị Q không đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung,

làm ảnh hưởng đến lợi ích của con chung thì anh B có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, qua nghị án, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thống nhất giao 02 cháu Vương Minh T, sinh ngày 10/05/2008 và Vương Thị Hồng L, sinh ngày 08/02/2012 cho chị Q được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh B được thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Chị Nguyễn Thị Q không yêu cầu anh Vương Thanh B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này chị Q có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác.

[6] Về tài sản chung, về nợ chung: Anh Vương Thanh B và chị Nguyễn Thị Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Q được ly hôn với anh Vương Thanh B.

2. Về con chung: Giao 02 người con chung tên Vương Minh T, sinh ngày 10/05/2008 và Vương Thị Hồng L, sinh ngày 08/02/2012 cho chị Nguyễn Thị Q tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị Q không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Anh Vương Thanh B có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, về nợ chung: Anh Vương Thanh B và chị Nguyễn Thị Q xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai thu tiền tạm ứng án, lệ phí số 0007837 ngày 12/07/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, chị Q không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (03/11/2023). Bị đơn anh B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Thùy Linh

*** Nơi nhận :**
- TAND Tỉnh Kiên Giang
- VKSND TP. G
- Chi cục THA Dân sự TP.G
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.